



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **20** /BC-UBND

Gia Lai, ngày **03** tháng **02** năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác tư tưởng của Đảng sau 40 năm đổi mới đất nước

Kính gửi: Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh

Thực hiện Công văn số 685-CV/ĐU ngày 21/01/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc báo cáo đánh giá kết quả công tác tư tưởng của Đảng sau 40 năm đổi mới trên địa bàn tỉnh theo Văn bản số 330-CV/BTGDVTU ngày 15/01/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; qua kết quả rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh kính báo cáo như sau:

I. Kết quả thực hiện công tác tư tưởng của Đảng tại địa phương sau 40 năm đổi mới đất nước

1. Về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, xây dựng mô hình tăng trưởng mới, phát triển nhanh, bền vững dựa trên đổi mới sáng tạo, công nghệ và kinh tế xanh

Trước đổi mới, Nghĩa Bình là một tỉnh nông nghiệp, độc canh; kinh tế chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhỏ bé, phân tán, manh mún; kỹ thuật, công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp. Hệ thống giao thông, công trình thủy lợi, trường học, bệnh viện, trạm y tế xã vừa thiếu vừa xuống cấp. Năng suất lao động thấp (bằng 75% mức bình quân cả nước); nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm (2%); đời sống nhân dân khó khăn, nhất là đồng bào các huyện miền núi. Nền kinh tế tỉnh Gia Lai – Kon Tum có xuất phát điểm thấp, sản xuất nông nghiệp theo phương thức tự cung tự cấp, trình độ và phương thức sản xuất lạc hậu, cơ sở công nghiệp hầu như chưa có, tiểu thủ công nghiệp nhỏ bé, hệ thống dịch vụ chủ yếu phục vụ cho bộ máy chiến tranh, tình hình an ninh chính trị phức tạp.

10 năm đầu đổi mới (1986-1995), sau khi được tách ra từ tỉnh Nghĩa Bình năm 1989, tỉnh Gia Lai - Kon Tum năm 1991, tỉnh Bình Định và Gia Lai tiếp tục triển khai kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1986-1990), lần thứ 4 (1991-1995) trong bối cảnh các chủ trương và đường lối đổi mới toàn diện: chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang cơ chế kế hoạch định hướng, vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy tính năng động của các thành phần kinh tế tạo ra sức sản xuất mới, nền kinh tế của 02 tỉnh cơ bản đã khắc phục được tình trạng trì trệ, tốc độ phát triển nền kinh tế tăng trưởng nhanh¹.

Trong 10 năm tiếp theo (1996-2005), 02 tỉnh đã khẳng định được các thế mạnh của mình một cách rõ nét, các tiềm năng đã được khai thác có hiệu quả, tạo thêm nhiều

¹ Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Bình Định giai đoạn 1991 - 1995, tăng bình quân 8,8%/năm; Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Gia Lai giai đoạn 1991 - 1995, tăng bình quân 7,6%/năm;

năng lực sản xuất mới và giải quyết việc làm, ổn định đời sống nhân dân. Kinh tế của 02 tỉnh đã bứt phá và đạt được mức tăng trưởng khá qua các giai đoạn², đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng an ninh được củng cố.

Trong 10 năm (2006-2015), đây là giai đoạn phát triển nhanh, đặc biệt, trong giai đoạn 2006-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả 2 tỉnh đều đạt trên 10%³. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Bộ mặt nông thôn và thành thị có nhiều thay đổi. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Trong 10 năm gần đây (2016-2025), tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng đã đạt được những kết quả quan trọng, kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

Tỉnh đã triển khai hiệu quả Chương trình hành động về phát triển khoa học và công nghệ. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống được đẩy mạnh⁴. Hệ sinh thái khởi nghiệp, tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và nhiều quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn. Khu đô thị Khoa học Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành được quan tâm đầu tư, tiếp tục trở thành điểm đến tin cậy của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai các dự án công nghệ thông tin, phần mềm, trí tuệ nhân tạo... đã được phê duyệt và thu hút một số dự án mới đầu tư trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh. Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn; công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống đạt hiệu quả. Nhiều công trình nghiên cứu đã được đưa vào ứng dụng trong thực tế sản xuất, đời sống mang lại hiệu quả cao, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Triển khai chương trình đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phát triển doanh nghiệp công nghệ. Hoạt động sở hữu trí tuệ và thông tin khoa học, công nghệ được quan tâm. Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường đầu tư, góp phần nâng cao năng lực hoạt động, tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống

² Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Bình Định giai đoạn 1996 - 2000, tăng bình quân 8,9%/năm; giai đoạn 2001 - 2005, tăng bình quân 9,0%/năm

Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Gia Lai giai đoạn 1996 - 2000, tăng bình quân 10,01%/năm; giai đoạn 2001 - 2005, tăng bình quân 11,1%/năm

³ Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 - 2010, tăng bình quân 10,9%/năm; giai đoạn 2011 - 2015, tăng bình quân 6,5%/năm

Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Gia Lai giai đoạn 2006 - 2010, tăng bình quân 13,6%/năm; giai đoạn 2011 - 2015, tăng bình quân 12,8%/năm

⁴ Theo dõi, phối hợp quản lý 02 nhiệm vụ⁴ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình Quỹ gen và 01 nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương cấp quốc gia; đề xuất đặt hàng Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai 04 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia để giải quyết các vấn đề cấp thiết của tỉnh. Thành lập Hội đồng tư vấn đề xuất 03 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; thực hiện 111 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; 49 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

chính trị; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, đảm bảo việc trao đổi thông tin, gửi/nhận văn bản trên môi trường mạng của các xã/phường được thông suốt, ổn định. Phối hợp với VNPT điều chỉnh Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh sau khi sáp nhập bộ máy (điều chỉnh TTHC, tài khoản, đơn vị sử dụng...).⁵ Thực hiện kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm phục vụ công tác xác thực, khai thác dữ liệu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Các hệ thống dùng chung được hợp nhất, triển khai đến 135 xã, phường, phục vụ tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trên môi trường số. 100% cơ quan hành chính sử dụng Hệ thống phần mềm văn phòng điện tử của tỉnh; tỷ lệ thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành Trung ương qua trực liên thông văn bản quốc gia đạt gần 100%. Tiếp tục phát triển CSDL chuyên ngành kết hợp với xây dựng Kho dữ liệu số thông minh. Triển khai và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai nền tảng Signet cho cán bộ công chức, viên chức trên toàn tỉnh; hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 2 cấp; ứng dụng “Thông tin cấp xã” tổng hợp các dữ liệu quan trọng về từng xã, phường trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu, hệ thống của các ban, sở, ngành đã được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

Tăng cường phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số. Hạ tầng viễn thông được chỉnh trang, đồng bộ hóa theo hướng ngầm hóa, tạo nền tảng phát triển 5G và IoT. Mạng 5G đã được doanh nghiệp viễn thông Viettel, VNPT, MobiFone triển khai 167 trạm tại trung tâm các xã, phường. Tại tỉnh, có 02 trạm cáp bờ của 02 tuyến cáp quang biển quốc tế⁶. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã được kết nối vào mạng TSLCD cấp I của Cục Bưu điện Trung ương đảm bảo kết nối đến 100% các sở, ban, ngành và 135/135 xã, phường trên địa bàn tỉnh; cơ bản đáp ứng được nhu cầu liên thông, kết nối dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị địa phương khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp. Hoàn thành kết nối LGSP của tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và nền tảng VDXP của các bộ, ngành. Triển khai hệ thống Trợ lý ảo của tỉnh, phong trào “Bình dân học vụ số”, mở lớp đào tạo chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

Về phát triển kinh tế số, xã hội số: Tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn, an ninh mạng giai đoạn 2025–2030 và Kế hoạch thực hiện Đề án; đồng thời triển khai xây dựng Đề án Khu Công nghệ thông tin tập trung. Hiện số hồ sơ thu nhận định danh điện tử toàn tỉnh là 1.263.456/1.442.762 công dân đủ điều kiện (từ đủ 14 tuổi trở lên); kích hoạt tài khoản Định danh điện tử 1.006.251/1.256.188 trường hợp; việc thanh toán không dùng tiền mặt trong công tác thu học phí, viện phí, lệ phí sát hạch lái xe đạt 100%; có 324.203 tài khoản thanh toán điện tử được đoàn viên, thanh niên hỗ trợ mở tài khoản tại các ngân hàng và tổ chức khác; có 291.640 công dân đăng ký sử dụng chữ ký số công cộng do các doanh nghiệp

⁵ Hệ thống <https://motcua.gialai.gov.vn> đang cung cấp 2.171 dịch vụ công trực tuyến, thiết lập quy trình điện tử cho 2.254 thủ tục hành chính (trong đó có 1.839 TTHC cấp tỉnh và 415 TTHC cấp xã) đảm bảo 100% TTHC được thiết lập quy trình điện tử, gắn quyền đầy đủ cho cán bộ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến được cấu hình, cung cấp đầy đủ trên Cổng DVCQG; 100% DVC trực tuyến đã có biểu mẫu điện tử tương tác và bảo đảm khớp với thành phần hồ sơ.

⁶ Tuyến cáp ADC với dung lượng kết nối 18 Tbps (tuyến ADC của Tập đoàn Viettel đã được đưa vào hoạt động) và tuyến cáp SJC2 với dung lượng kết nối 9 Tbps (tuyến SJC2 của Tập đoàn VNPT đang triển khai kế hoạch đưa vào hoạt động).

VNPT, Viettel, Misa và BKAV cung cấp...Đã tổ chức 11 lớp đào tạo, tập huấn hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, tập huấn kỹ năng số cho gần 590 hộ sản xuất nông nghiệp và Tổ Công nghệ số cộng đồng (riêng tỷ lệ Hộ SXNN là $576/706 = 81,6\%$); hỗ trợ đưa 570 sản phẩm lên sàn TMĐT postmart.vn (nay là buudien.vn), trong đó có hơn 200 sản phẩm OCOP.

Về bưu chính, viễn thông: 100% các xã đều có điểm phục vụ bưu chính, Hiện đang hỗ trợ cho 18 điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng⁷. Hạ tầng viễn thông, hạ tầng số được tăng cường đã phục vụ tốt công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh⁸.

Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường là mục tiêu cốt lõi để đạt được sự bền vững. Tỉnh đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu định hướng đến năm 2030 về bảo vệ môi trường. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải; phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải. Giảm thiểu ô nhiễm chất thải nhựa. Cải thiện ô nhiễm môi trường ở các khu đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn; tham gia hiệu quả thị trường cacbon trong nước. Phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường. Tổ chức thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường và thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp thuận lợi trong công tác lập hồ sơ môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường việc lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

Có thể nói, trong 10 năm trở lại đây, việc chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đã tạo nên những dấu ấn rõ nét, thể hiện qua kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể như sau:

Giai đoạn 2016-2020: Quy mô nền kinh tế⁹ đến năm 2020 đạt 155.065 tỷ đồng, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 29,8%, công nghiệp – xây dựng chiếm 25,36%, dịch vụ chiếm 40,50%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,34%. Tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 6,03%; GRDP bình quân đầu người đạt 51,2 triệu đồng (2.205 USD). Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 14.187 tỷ đồng; chi ngân sách Nhà nước đạt 47.810,4 tỷ đồng; tỷ lệ thu ngân sách Nhà nước so với GRDP đạt 10,6%. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (theo giá hiện hành) đạt 41.663 tỷ đồng, chiếm 39% so với GRDP. Dân số đến năm 2020 là 3.029,7 nghìn người, trong đó tỷ lệ dân số thành thị đạt 34,6%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 18,3%.

⁷ Tổng số tiền đã chi cho doanh nghiệp bưu chính thực hiện (Bưu điện tỉnh Bình Định) là 216.000.000 đồng/6 tháng (2.000.000 đồng/tháng/điểm). Trong 6 tháng cuối năm 2025, sẽ hỗ trợ cho 21 điểm thông tin công cộng với tổng số tiền 252.000.000 đồng.

⁸ Tỷ lệ phủ sóng di động, băng rộng di động đạt: 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% các thôn, làng. Có 2.692/2.693 thôn, làng đã có sóng di động, băng rộng di động (còn 01 làng O2, xã Vĩnh Sơn chưa có di động); tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cố định đạt: 100% tại trung tâm các xã, phường và 97,9% các thôn, làng. Có 2.637/2.693 thôn, làng đã có hạ tầng mạng băng rộng cố định (còn 56 thôn chưa có cố định).

Đến cuối năm 2020, số bác sỹ trên 1 vạn dân đạt 7,5; số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 24,8. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 54,6%; trong đó tỷ lệ các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông lần lượt đạt 40,2%; 64,3%; 65,4%; 41,3%. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 10,9%; tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 1,8 điểm phần trăm. Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng đạt 2.859,8 nghìn đồng. Tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của dân cư thành thị (Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung) đạt 71,4 %. Tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của dân cư nông thôn (tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn) đạt 61,3%. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 50,8%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 44,6%. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.

Giai đoạn 2021-2025: Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) bình quân 5 năm ước đạt 6,5%. GRDP bình quân đầu người năm 2025 dự kiến đạt 87,2 triệu đồng/người, (tương đương 3.555 USD/người). Cơ cấu kinh tế: Ước cuối năm 2025, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 27,1%; công nghiệp - xây dựng chiếm 30,9%, dịch vụ chiếm 38%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4%. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt hơn 25.950 tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 11.800 triệu USD. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 38,1%/GRDP. Tỷ lệ đô thị hóa đến cuối năm 2025 ước đạt 42,7%. Ước đến năm 2025, toàn tỉnh có 57/135 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 42,2%), 7/135 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 1/135 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ước thực hiện năm 2025 đạt 65,36%. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đến cuối năm 2025 đạt 95,6%. Tỷ trọng y tế có bác sỹ làm việc 96,8%. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối năm 2025 đạt 72,6%. Tỷ lệ che phủ rừng: Đến cuối năm 2025 là 46,09%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%; trong đó, đến cuối năm 2025 có 47,5% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến cuối năm 2025 đạt 87,34%. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 89,5 Duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế và 96,5% chất thải công nghiệp nguy hại được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

2. Về văn hoá – xã hội, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao dân trí, phát huy yếu tố con người, lấy con người làm trung tâm

Với chủ trương kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, bền vững. Hệ thống các thiết chế, công trình văn hóa thể thao cơ sở được quan tâm đầu tư, hoàn thiện nhằm phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Hoạt động văn học nghệ thuật được coi trọng. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng diễn ra sôi nổi từ tỉnh đến cơ sở. Công tác xây dựng đời sống văn hóa đạt kết quả tích cực, chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, biểu diễn nghệ thuật ngày càng được nâng lên.

Trong thời gian qua, công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, di tích cách mạng được quan tâm đầu tư. Tiếp tục gìn giữ và phát huy nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam đã được UNESCO ghi danh - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và đã hoàn thiện hồ sơ đệ trình UNESCO ghi danh Võ cổ truyền Bình Định là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, các bộ môn nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền... được quan tâm. Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”* từng bước đi vào chiều sâu. Tổ chức thành công nhiều Chương trình nghệ thuật, lễ kỷ niệm, tuyên truyền các sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh. Các lễ hội truyền thống, thể dục thể thao quần chúng được duy trì tổ chức với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn. Công tác xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được nâng cao chất lượng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống được chú trọng đổi mới về nội dung và phương thức; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong toàn xã hội.

Công tác thông tin, truyền thông có nhiều đổi mới. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong xã hội, nhất là trên lĩnh vực truyền thông chính sách, cung cấp thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội. Hoạt động truyền thanh cơ sở được đổi mới với việc triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, truyền thanh thông minh và hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh. Hoạt động truyền thông trên internet, mạng xã hội được quan tâm, chú trọng.

3. Về phát triển y tế, giáo dục – đào tạo, coi giáo dục – đào tạo là “quốc sách hàng đầu”

3.1. Về phát triển y tế

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố; duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế tiếp tục được đầu tư nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh trong tình hình mới, bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của Nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nhiều kỹ thuật chuyên sâu được triển khai tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình được chú trọng; duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm dần. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,53%. Xã hội hóa y tế tiếp tục được thúc đẩy, các cơ sở y tế tư nhân phát triển, góp phần giảm tải cho y tế công lập. Hạ tầng y tế tiếp tục được đầu tư theo Đề án phát triển hệ thống y tế đến năm 2030.

Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chăm sóc người bệnh ngày càng nâng cao. Nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu đã được áp dụng trong chẩn đoán, điều trị bệnh với sự hỗ trợ trực tiếp của các bệnh viện tuyến trên, kết hợp với tổ chức khám bệnh, chữa bệnh từ xa. Công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được thực hiện tốt. Công tác mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, thiết bị y tế được thực hiện kịp thời, đúng quy định; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế, hoá chất phục vụ cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng. Chất lượng nguồn nhân lực y tế được nâng lên rõ

rệt nhờ thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút bác sĩ, dược sĩ đại học của tỉnh và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế được chú trọng, đẩy mạnh. Tinh thần trách nhiệm, phong cách làm việc, thái độ phục vụ người bệnh của viên chức, nhân viên y tế ngày càng tốt. Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo an toàn thực phẩm được chú trọng. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý chất thải y tế, an toàn lao động và tạo dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp trong các cơ sở y tế từng bước cải thiện.

Qua gần 40 năm đổi mới, sự nghiệp giáo dục và đào tạo không ngừng phát triển và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở được duy trì vững chắc; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt hiệu quả tích cực; tập trung triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo phát triển cả về chất và lượng, từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và nhu cầu phát triển của xã hội. Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông và các cơ sở dạy nghề tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề trên địa bàn tiếp tục được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh tiếp tục được quan tâm. Hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh; công tác xã hội hóa giáo dục đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học.

Ngành giáo dục đã triển khai công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung về đổi mới thực hiện chương trình; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo; đổi mới thi tốt nghiệp Trung học phổ thông; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được thực hiện gắn với mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục được triển khai trên diện rộng, trong đó chú trọng công tác tự đánh giá và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đánh giá ngoài.

Chất lượng và các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ trong các trường mầm non luôn được chú trọng. Ngành giáo dục đã triển khai công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung về đổi mới thực hiện chương trình; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo; đổi mới thi tốt nghiệp THPT; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất, trang trang thiết bị được thực hiện gắn với mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Trong nhiều năm qua thực hiện chủ trương của Đảng và các chính sách của Nhà nước về đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách thông qua đóng góp, đầu tư của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Một số địa phương, đơn vị đã có cách làm sáng tạo trong công tác xã hội hóa như bổ sung, mở rộng diện tích đất và cấp mới cho các trường học, vận động các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và nhân dân đóng góp nhân lực, tài chính cho công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, góp phần xây dựng nông thôn mới. Sự phát triển của các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập từ nguồn lực của xã hội đã góp phần thúc đẩy việc áp dụng những cách tiếp

cận giáo dục tiên tiến của thế giới, nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Quy mô học sinh các trường ngoài công lập tăng mạnh, nhất là giáo dục mầm non.

Các cơ sở giáo dục tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú ý các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh, đặc biệt là bậc Trung học phổ thông. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực học sinh như: nghiên cứu khoa học kỹ thuật, vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn, thi hùng biện Tiếng Anh, thuyết trình văn học... Trong những năm qua, tỉnh Gia Lai đã tổ chức triển khai thực hiện việc nghiên cứu khoa học, đề tài, sáng kiến theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến. Phát động, tổ chức Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học. Phát triển giáo dục STEM, góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập; phát triển năng lực học sinh; nâng cao chất lượng dạy, góp phần thực hiện giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

4. Về kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thiết lập hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bao phủ, đảm bảo phúc lợi và an sinh cho người dân, giải quyết các vấn đề xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau

Trong gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, cùng với thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, tỉnh luôn xác định công tác an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, góp phần quan trọng đảm bảo ổn định tình hình chính trị xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tỉnh đã bám sát các chủ trương, chính sách của Trung ương, tập trung đầu tư nguồn lực triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả nhiều cơ chế, chính sách về an sinh xã hội, tạo sinh kế cho người dân phát triển ổn định và bền vững. Tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của nhà nước với các đối tượng chính sách.

Tập trung giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội gắn với phát triển kinh tế. Đời sống Nhân dân ổn định, có bước cải thiện rõ nét. Công tác giảm nghèo được triển khai quyết liệt, đến cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 2,24%; hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn vượt kế hoạch đề ra, với 12.520 căn; các dự án nhà ở xã hội được triển khai bảo đảm theo kế hoạch, với 4.427 căn hoàn thành. Chính sách an sinh xã hội, người có công, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác chăm lo cho trẻ em, người yếu thế và bình đẳng giới tiếp tục được chú trọng. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội được quan tâm đẩy mạnh, huy động được nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia chăm lo đời sống người dân.

5. Về thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng, có ý nghĩa tại tỉnh nhằm không ngừng tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực đầu tư trực tiếp nước ngoài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đã tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại quan trọng tại tỉnh như Hội nghị

ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh Bình Định với chính quyền 04 tỉnh Nam Lào giai đoạn 2020 - 2025 và một số hoạt động nhân kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (05/9/1962-05/9/2022) và 45 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977-18/7/2022); sự kiện “Gặp gỡ Hàn Quốc năm 2022”; Hội nghị “Gặp gỡ các Trưởng cơ quan đại diện ngoại giao và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; Hội nghị “Gặp gỡ Nhật Bản năm 2023” cùng nhiều hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; Hội nghị Xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Đức; Hội nghị Xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Việt Nam - Canada; Hội nghị Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch với các đối tác Ấn Độ; Hội nghị Gặp gỡ các doanh nghiệp Thái Lan tại tỉnh; Hội nghị thông tin tuyên truyền tình hình kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế, chính sách thu hút đầu tư với các cơ quan báo chí trong nước và nước ngoài; Hội nghị tổng kết đánh giá tình hình vận động, triển khai thực hiện các dự án, phi dự án thuộc nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh... Các hội nghị nêu trên đã bố trí lồng ghép nhiều nội dung phong phú, thiết thực, thu hút đông đảo các cơ quan, tổ chức, đối tác và nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tham dự, khảo sát thực tế và ký kết hợp tác, đầu tư tại tỉnh, góp phần thúc đẩy hoạt động thu hút đầu tư, thương mại, du lịch và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế giữa tỉnh với các địa phương, đối tác nước ngoài...

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã tổ chức nhiều Đoàn công tác của tỉnh đi thăm, làm việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, kết hợp xúc tiến đầu tư tại một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Đức, Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ, Italia, UAE, Ấn Độ, Thái Lan... Cùng với việc đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tỉnh đã ký kết được 16 bản thỏa thuận quốc tế với các cơ quan, đơn vị và địa phương nước ngoài theo Luật thỏa thuận quốc tế. Các đối tác ký kết hợp tác hữu nghị với tỉnh khá đa dạng, trong đó gồm một số địa phương, tổ chức nước ngoài và tập đoàn kinh tế lớn thuộc các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Cộng hòa Liên bang Đức... Tổ chức nhiều Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế với sự tham dự của hàng nghìn nhà khoa học đến từ khắp nơi trên thế giới và các sự kiện văn hóa, thể thao nổi bật tại các sự kiện đối ngoại tổ chức tại tỉnh. Tranh thủ vận động chương trình hỗ trợ phát triển, nhân đạo của chính phủ các nước; tích cực triển khai công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài bám sát định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2020 - 2025. Tiếp tục duy trì, thắt chặt quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác phát triển với các tỉnh Đông Bắc Campuchia và Nam Lào, giữ vững đường biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, ổn định. Chấp hành nghiêm việc quản lý đoàn ra, đoàn vào, xuất - nhập cảnh. Quan tâm chỉ đạo tìm kiếm, cất bốc, hồi hương hài cốt liệt sĩ, chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia. Công tác nắm tình hình, quản lý cư trú tại địa bàn, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các vụ việc đưa người xuất cảnh trái phép tiếp tục được tăng cường.

6. Về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính, tổ chức sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước

Tỉnh đã tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường...; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực

hiện công khai, minh bạch thông tin đi đôi với chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác tổ chức sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp được thực hiện theo đúng chỉ đạo của Trung ương, cụ thể như sau:

*** Đối với cấp tỉnh**

Thực hiện các quy định, hướng dẫn hiện hành và tình hình hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện phù hợp với các quy định mới của trung ương. Cơ quan hành chính, sau sắp xếp có: 14 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gồm 78 phòng, 14 chi cục và tương đương), 01 Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (gồm 06 phòng). Đơn vị sự nghiệp công lập, sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh có 1.579 ĐVSNCL (gồm: 09 ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh; 249 ĐVSNCL thuộc Sở, ngành, chi cục; 1.290 ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã; 31 ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL).

Tỉnh đã giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm bảo theo quy định. Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ là 3.364¹⁰ người (trong đó: 1.930 người nghỉ hưu trước tuổi, 1.434 người nghỉ thôi việc) với tổng kinh phí là 3.193.812 triệu đồng (trong đó: nghỉ hưu trước tuổi là 2.065.008 triệu đồng; nghỉ thôi việc 1.128.804 triệu đồng) và đã thực hiện giải ngân, chi trả xong kinh phí giải quyết chính sách, chế độ cho các đối tượng đã được phê duyệt. Đến nay, số người hoạt động không chuyên trách cấp xã đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ là 2042 trường hợp, trong đó đã trình Sở Tài chính thẩm định kinh phí cho 1973 trường hợp; Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ đối với 1521 người hoạt động không chuyên trách cấp xã với tổng kinh phí thực hiện là 278.669.787.000 đồng. Đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt danh sách 181 người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, tổng kinh phí thực hiện là 6.815.544.000 đồng.

Về tăng cường công chức, viên chức về hỗ trợ tại các địa phương: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 17/8/2025 tăng cường công chức, viên chức về công tác tại các xã, phường nhằm hỗ trợ tháo gỡ, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh cấp thiết ở cấp xã, đồng thời khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân lực tại các xã chưa đủ biên chế, chưa đủ trình độ chuyên môn, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt. Đến nay, đã có 11 sở, ngành cử công chức, viên chức tăng cường về công tác tại 104/135 xã, phường trên địa bàn tỉnh (tỷ lệ 77,04%), có tổng số 260 lượt xã/phường được tăng cường¹¹, với tổng số 426 lượt cán bộ, công chức tăng cường. Đối với tổ công

¹⁰ Bao gồm cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền.

¹¹ Sở Nông nghiệp và Môi trường 75 xã, phường; Sở Khoa học và Công nghệ 55 xã, phường; Sở Công Thương 38 xã, phường; Sở Xây dựng 25 xã, phường; Sở Y tế 18 xã, phường; Sở Tài chính 15 xã, phường; còn lại là các lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo 10 xã, phường; Nội vụ 07 xã, phường; Tư pháp 07 xã, phường; Dân tộc và Tôn giáo 06 xã, phường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch 04 xã, phường

tác theo Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 và Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh cử 12 công chức, viên chức các sở, ngành, địa phương được cử tăng cường về công tác tại các xã chưa bố trí công chức chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm thời gian từ 03 đến 06 tháng để nắm tình hình, hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ, giải quyết các vấn đề phát sinh ở các xã trong quá trình vận hành tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Bên cạnh đó, UBND tỉnh ban hành Phương án bố trí, điều động, sắp xếp và tăng cường cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh (Phương án số 03/PA-UBND ngày 24/10/2025). Nhìn chung, các địa phương đã quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời Phương án số 03/PA-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động trong việc bố trí, điều động, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với số lượng hiện có, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm. Kết quả thực hiện Phương án số 03/PA-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, kể từ ngày 25/10/2025 đến nay, Ủy ban nhân các xã, phường đã thực hiện việc điều động, bố trí, sắp xếp và tiếp nhận đối với 199 cán bộ, công chức.

* Cấp xã

Tình hình tổ chức bộ máy: Cơ cấu tổ chức chung: 135 xã, phường có tổng cộng 135 Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 135 Phó Chủ tịch HĐND chuyên trách, 135 Chủ tịch UBND và 267 Phó Chủ tịch UBND. Các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp: Đã thành lập 530 phòng và tổ chức tương đương phòng, ban chuyên môn trực thuộc HĐND&UBND cấp xã (gồm: 134 Văn phòng UBND cấp xã; 134 phòng kinh tế; 131 phòng Văn hoá – xã hội; 131 Trung tâm Hành chính công). Tình hình ban hành quy chế, quy định: 135 xã, phường đã ban hành đầy đủ Quy chế làm việc của UBND và Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, tổ chức hành chính theo quy định.

Tình hình sắp xếp, bố trí biên chế cấp xã: tổng biên chế cán bộ, công chức cấp xã tạm giao sau điều chỉnh là 6.048 biên chế (tăng 806 biên chế so với phương án ban đầu, kể cả 405 biên chế Ban Chỉ huy quân sự cấp xã). Tổng số đã bố trí (không bao gồm Ban Chỉ huy quân sự cấp xã): Hiện có 5.027 cán bộ, công chức cấp xã đang công tác, vẫn còn thiếu 616 người so với tổng số biên chế được giao (kể cả số lượng được tạm giao bổ sung).

Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã: Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/4/2025 của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy và Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 07/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, ngành Nội vụ đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Quy Nhơn tổ chức đợt bồi dưỡng quy mô lớn về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong năm 2025, đã bồi dưỡng cho 6.984 cán bộ, công chức, viên chức, tập trung vào nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cơ bản, an toàn thông tin, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước. Kết quả cho thấy, sau bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chủ động hơn, tự tin hơn trong ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; qua đó góp phần thúc đẩy chuyển đổi số từ nhận thức sang hành động thực chất, nhất là tại cấp xã - nơi trực tiếp phục vụ Nhân dân.

II. Đánh giá khái quát

1. Các dấu ấn nổi bật

Trong 40 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, thành tựu hết sức to lớn và nổi bật là tỉnh đã xây dựng và phát triển mô hình kinh tế kinh tế thị trường định hướng XHCH, dựa vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thay thế cho nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng đã phát huy được các tiềm năng phát triển của và đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều điểm sáng nổi bật, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Nền kinh tế của 2 tỉnh tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh; hệ thống chính trị được sắp xếp, tinh gọn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được củng cố, nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được xây dựng vững chắc.

2. Hạn chế, tồn tại, nguyên nhân; các vấn đề mới nảy sinh về tư tưởng, nhận thức

Kinh tế của tỉnh tuy phát triển nhưng chưa bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ chậm, chưa có đột phá. Công nghiệp phát triển chưa bền vững; chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao. Hạ tầng kỹ thuật một số cụm công nghiệp xây dựng chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, tiến độ đầu tư còn chậm.

Sản xuất nông nghiệp phân tán, còn ít sản phẩm chủ lực đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Một số chính sách, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp triển khai chưa thật hiệu quả; dịch bệnh trên động vật vẫn còn diễn biến phức tạp. Tình trạng lấn chiếm đất đai, khai thác tài nguyên trái phép, ô nhiễm môi trường, phá rừng, vi phạm vùng biển nước ngoài... tuy được tập trung xử lý nhưng vẫn còn tồn tại.

Hoạt động thương mại, dịch vụ, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Du lịch phát triển chưa tương xứng tiềm năng, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hạ tầng vui chơi - giải trí còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực và công tác quảng bá chưa đáp ứng yêu cầu.

Cơ sở vật chất, thiết bị của một số cơ sở giáo dục chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học theo chương trình mới. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống đạt hiệu quả chưa cao; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo chưa có sự đột phá. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là việc trùng tu, tôn tạo, quản lý và phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử có mặt còn hạn chế. Một số cơ sở khám, chữa bệnh của tỉnh gặp khó khăn về tài chính; một số cơ sở y tế còn thiếu bác sỹ, nhất là ở tuyến huyện và xã. Thị trường lao động phát triển chậm; chất lượng lao động và việc làm còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp, nhất là tình trạng mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Một số đơn vị, địa phương chỉ đạo xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo còn chậm...

Công tác phối hợp, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh thiếu

chặt chẽ, kịp thời. Công tác cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của một số đơn vị còn hạn chế.

*** Nguyên nhân**

Những hạn chế, tồn tại nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, vốn ít, quản trị yếu, hiệu quả kinh doanh chưa cao, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển nhanh. Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; điểm, tuyến du lịch và cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi đó, nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, thu ngân sách còn thấp nên ảnh hưởng đến chi đầu tư phát triển. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa; những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

Về chủ quan, một số sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ; chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, hạn chế chưa kịp thời, thiếu tập trung, kiên quyết. Sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương chưa thường xuyên, hiệu quả. Nguồn nhân lực phổ thông dồi dào nhưng nhân lực có tay nghề và chất lượng cao còn hạn chế; phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, vùng địa phương chưa hợp lý.

3. Bài học kinh nghiệm

- Không ngừng đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, kịp thời phát hiện và quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở để huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, *dám nói*, *dám làm*, *dám* chịu trách nhiệm, *dám* đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp chung” đi đôi với giữ vững kỷ cương.

- Tập trung huy động nội lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời chủ động, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Luôn coi trọng phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

- Tăng cường và giữ vững sự đồng thuận xã hội; xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”, mọi chủ trương, đường lối, chính sách đề phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc.

III. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số

1. Về hiện thực hoá quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng trong phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát triển an sinh, tiến bộ, công bằng xã hội

Kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng, bảo đảm phát triển để ổn định và ổn định để phát triển nhanh, bền vững, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận làm nền tảng cho các quyết sách chiến lược nhằm thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm: đến năm 2030 - kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và đến năm 2045 - kỷ niệm 100 năm thành lập nước. Tiếp tục thực hiện mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thuận lợi, thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tỉnh phát triển bức phá và bền vững; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm, kiên quyết không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về cơ chế, chính sách; khơi thông và giải phóng các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, nêu cao tinh thần sáng tạo, khát vọng vươn lên, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển; đột phá mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; có chính sách đặc thù, vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.

Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh. Lấy phát triển kinh tế - xã hội để duy trì ổn định an ninh, quốc phòng và ổn định an ninh, quốc phòng để phát triển kinh tế - xã hội. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; năng lực quản lý, quản trị phát triển của bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Phát huy sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Các đột phá cần thiết trong xây dựng Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đối với công tác tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

Xây dựng một chiến lược tổng thể và hoàn thiện khung pháp lý cho công tác tư tưởng, lý luận trong môi trường số.

Đổi mới phương thức tuyên truyền, phương thức tiếp cận đối với công tác tư tưởng, lý luận theo hướng đối thoại chuyển đổi từ phương pháp truyền đạt một chiều từ trên xuống sang đối thoại, tương tác đa chiều, chủ động nắm bắt, dự báo, dẫn dắt dư

luận xã hội, nhất là trên không gian mạng. Đổi mới nội dung và hình thức trên các mặt của công tác tư tưởng, lý luận theo hướng tận dụng tối đa những lợi thế mà chuyển đổi số đem lại như phát triển các tài liệu số, ứng dụng di động, nền tảng truyền thông đa phương tiện...

Bổ trí đủ nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng cho chuyển đổi số nói chung và trong công tác tư tưởng, lý luận nói riêng, bảo đảm đồng bộ, thông suốt, hiệu quả, ổn định và đặc biệt là an ninh mạng, an toàn thông tin. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ hiện đại, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data); sử dụng Big Data để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phản bác các luận điệu xuyên tạc.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trực tiếp, thường xuyên làm công tác tư tưởng, lý luận có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn cao, giỏi truyền thông, tinh thần đổi mới, kiến thức và tư duy trong thời đại số, cùng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo. Có cơ chế thu hút chuyên gia, trí thức, nhà khoa học, người có uy tín tham gia công tác tư tưởng trong bối cảnh mới.

Hoàn thiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tuyên giáo, dân vận, báo chí, lực lượng an ninh và các ngành liên quan trong quản lý không gian mạng; nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch gắn với bảo vệ uy tín của Đảng, Nhà nước và địa phương.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác tư tưởng của Đảng sau 40 năm đổi mới đất nước, UBND tỉnh kính báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, tổng hợp. 

Nơi nhận:

- PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Tài chính;
- Ban TG&DV ĐU UBND tỉnh (để tổng hợp);
- VP ĐU UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, T3. 

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh